

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1524/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH BR

A'
DIỄN SỐ: 36375.....
Ngày: 12/12/24
Chuyên:.....

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội khoá XV về dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 160/2024/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội khoá XV về phân bổ ngân sách trung ương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025 (theo các phụ lục đính kèm).

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 được giao, đề nghị địa phương sắp xếp các nhiệm vụ chi, phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, đảm bảo:

1. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách chính sách tiền lương trong năm 2025 theo quy định từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ

các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, các khoản được loại trừ khi tính tăng thu dành để thực hiện cải cách tiền lương); 50% giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước và hỗ trợ các đơn vị sự nghiệp công lập; nguồn thực hiện cải cách tiền còn dư (nếu có). Đồng thời, dành 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so với dự toán năm 2024 để tạo nguồn cải cách tiền lương trong năm 2025.

Đối với nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết), loại trừ thêm một số khoản thu gắn với nhiệm vụ chi cụ thể, gồm: thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước.

2. Chủ động bố trí ngân sách địa phương, nguồn kinh phí cải cách tiền lương còn dư (nếu có) và nguồn kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ (nếu có) để thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành theo quy định. Căn cứ kết quả thực hiện, Ủy ban nhân dân Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương có báo cáo gửi Bộ Tài chính để trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí cho ngân sách địa phương theo chế độ quy định.

3. Chủ động bố trí chi trả lãi các khoản vay của chính quyền địa phương trong dự toán chi ngân sách địa phương; bố trí chi trả nợ gốc theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước từ nguồn bội thu ngân sách địa phương, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư và vay mới trong năm.

Điều 3. Dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 được Ủy ban nhân dân Tỉnh/Thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quyết định dự toán ngân sách, Ủy ban nhân dân Tỉnh/Thành phố báo cáo Bộ Tài chính về dự toán ngân sách đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh/Thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./:

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Đoàn ĐBQH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Cục thuế, Cục Hải quan, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính: TCT, TCHQ, KBNN, Cục QLNN&TCĐN, Vụ NSNN, Vụ ĐT, Vụ HCSN;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, QHĐP, PL, TKBT;
- Lưu: Văn thư, KTTH (2) ~~4~~ ⁵ b.

**TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**



Nguyễn Văn Thắng



Phụ lục I
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
TỈNH BÌNH ĐỊNH - VINH GIANG

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (I+II+III)	92.770.000
I	THU NỘI ĐỊA	40.270.000
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý	3.807.000
	- Thuế giá trị gia tăng	1.680.000
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí	350.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.820.000
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí	14.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	81.000
	- Thuế tài nguyên	126.000
	- Thu từ khí thiên nhiên	100.000
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý	544.000
	- Thuế giá trị gia tăng	240.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	300.000
	- Thuế tài nguyên	4.000
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	16.641.000
	- Thuế giá trị gia tăng	3.160.000
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí	1.000.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.146.000
	Trong đó: Thuế tối thiểu toàn cầu	11.000
	- Thu từ khí thiên nhiên	500.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	9.829.000
	- Thuế tài nguyên	6.000
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	4.838.000
	- Thuế giá trị gia tăng	2.920.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.784.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	40.000
	- Thuế tài nguyên	94.000
5	Lệ phí trước bạ	560.000
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	80.000
8	Thuế thu nhập cá nhân	4.260.000
9	Thuế bảo vệ môi trường	1.400.000
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu	560.000
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước	840.000
10	Phí, lệ phí	1.750.000
	Bao gồm: - Phí, lệ phí trung ương	1.535.000
	- Phí, lệ phí địa phương	215.000
	Trong đó: - Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản	50.000
	- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	49.000
11	Tiền sử dụng đất	2.000.000
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý	2.000.000
12	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước, mặt biển	1.600.000
	Trong đó: - Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí	120.000
13	Thu khác ngân sách	650.000
	- Thu khác ngân sách trung ương	300.000
	- Thu khác ngân sách địa phương	350.000
	Trong đó: Thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	2.300
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện	68.000
	Bao gồm: - Cơ quan Trung ương cấp	32.700
	- Cơ quan địa phương cấp	35.300
15	Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích, tại xã	1.900
16	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế NSDP hưởng 100%	120.000
17	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.950.000
II	THU TỪ DẦU THỎ	31.000.000
III	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XUẤT, NHẬP KHẨU	21.500.000
1	Thuế giá trị gia tăng	15.500.000
2	Thuế xuất khẩu	3.000.000



Phụ lục I
DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
3	Thuế nhập khẩu	2.805.000
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt	50.000
5	Thuế bảo vệ môi trường	140.000
6	Thu khác	5.000
B	Các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP (phần NSTW hưởng)	13.788.000



Phụ lục II
DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
A	Tổng chi ngân sách địa phương quản lý (I+II)	26.686.580
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	22.838.396
1	Chi đầu tư phát triển	10.274.110
a	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	6.324.110
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000.000
c	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.950.000
2	Chi thường xuyên (1)	12.105.718
	Trong đó:	
a	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.844.054
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	122.150
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính địa phương	1.800
4	Dự phòng ngân sách	456.768
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương	3.848.184
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ	3.562.339
2	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ chính sách, nhiệm vụ	285.845
B	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia cho ngân sách địa phương đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương	52
C	Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương	3.848.184
I	Bổ sung có mục tiêu (2)	3.848.184
D	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang (3)	869.286

Ghi chú:

(1) Trong đó:

- Dự toán chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, chi sự nghiệp khoa học và công nghệ là mức chi tối thiểu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bao gồm 10% tiết kiệm năm 2025 tăng so với năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương là 0 triệu đồng.

(2) Trong đó chi tiết số bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các dự án, nhiệm vụ; bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ theo phụ lục III.

(3) Sẽ xác định chính thức căn cứ vào kết quả thẩm định CCTL.

* 50% tăng thu NSDP dự toán năm 2025 so với dự toán năm 2024 dành để CCTL theo quy định là 192.666 triệu đồng.



Phụ lục III

**BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
ĐỂ THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2025
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

(Kèm theo Quyết định số 1524/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2025
1	2	3
	Tổng số	<u>3.848.184</u>
I	Bổ sung có mục tiêu (vốn đầu tư phát triển):	3.562.339
	<i>Gồm:</i>	
	Vốn trong nước	3.562.339
II	Bổ sung có mục tiêu (kinh phí sự nghiệp):	285.845
	<i>Gồm:</i>	
1	Hỗ trợ các Hội văn học nghệ thuật địa phương	442
2	Hỗ trợ các Hội nhà báo địa phương	160
3	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	18.705
4	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	2.427
5	Hỗ trợ để đảm bảo mặt bằng dự toán chi NSDP	190.396
6	Bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	14.753
7	Phí sử dụng đường bộ	58.962